



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC NIÊM YẾT

Số TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Mã Tài sản	Diện tích (m ²)			Giá Niêm yết (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
				Diện tích đất (m ²)	Diện tích Sàn xây dựng nhà (m ²)	Diện tích Sàn sử dụng nhà (m ²)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=5%*(8)*(9)*(10)
1	Trạm y tế Thị trấn Hương Khê; Tổ dân phố 3, Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 3, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ01	1028,5	660	594	56.110,8	594	5	Thương mại dịch vụ	8.330.000
2	Trường Mầm non Hương Long cũ; Xóm 7, xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Hương Long, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ02	2.263	380	342	111.169,8	342	5	Thương mại dịch vụ	9.505.000
3	Trường Mầm non xóm 2, xã Phú Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Hương Giáp, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ03	1874,8	285,7	257	93.623,2	257	5	Thương mại dịch vụ	6.015.000
4	Trường Mầm non Hoa Mai, Thôn 6 xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Thượng Long, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ04	2762,1	380	342	51.603,8	342	5	Thương mại dịch vụ	4.412.000

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH**

Số TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Mã Tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
				Diện tích đất (m ²)	Diện tích Sàn xây dựng nhà (m ²)	Diện tích Sàn sử dụng nhà (m ²)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=5%*(8) *(9)*(10)
1	Trường Mầm non Bông Sen; Tổ dân phố 4, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 4, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ05	4697,9	1.428	1.285	230.187,6	1.285	5	Thương mại dịch vụ	73.947.000
2	Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Hương Khê;	Thôn 5, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ06	3168	1.261	1.135	176.608	1.135	5	Thương mại dịch vụ	50.112.000
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hương Khê; Tổ dân phố 3, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 3, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ07	1937,2	723,9	652	185.082,6	652	5	Thương mại dịch vụ	30.168.000
4	Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phú Phong; Thôn 3, xã Phú Phong, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Quang Thượng, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ08	6.143	1.856	1670	59.854,5	1670	5	Thương mại dịch vụ	24.989.000



Số TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Mã Tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2 /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
				Diện tích đất (m2)	Diện tích Sàn xây dựng nhà (m2)	Diện tích Sàn sử dụng nhà (m2)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=5%*(8)* (9)*(10)
5	Chi cục thuế cũ Tổ dân phố 10, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 7, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ09	1.406	879	791	190.106,1	791	5	Thương mại dịch vụ	37.593.000
6	Chi cục thi hành án huyện Hương Khê; Tổ dân phố 4, Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 4, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ10	1.222	289,68	261	532.133,5	261	5	Thương mại dịch vụ	34.721.000
7	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông khu vực Hương Khê cơ sở 1	Thôn 5, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ11	8.107,6	4.932	4.439	411.134	4439	5	Thương mại dịch vụ	456.255.000
8	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông khu vực Hương Khê cơ sở 2	Thôn 5, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ12	2.400	960	864	748.249,5	864	5	Thương mại dịch vụ	161.621.000
9	Trường Mầm non Bông Sen; Tổ dân phố 3, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn 3, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ13	2.629,5	685	617	367.509,6	617	5	Thương mại dịch vụ	56.688.000
10	Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hương Long; Thôn 7, xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Thôn Thượng Long, xã Hương Long, tỉnh Hà Tĩnh	QĐ-CSNĐ15	4.911	1.823	1.641	735.532	1.641	5	Thương mại dịch vụ	301.751.000